

Số: 14 /2015/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 4 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về việc hỗ trợ lãi suất cho các khách hàng vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 91/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ tiêu thụ một số sản phẩm sản xuất trong tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 110/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI (Kỳ họp thứ 11) về việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015;

Xét đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh tại Văn bản số 123/NHNN-HTI4 ngày 27/02/2015; ý kiến của các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Văn bản thẩm định số 233/BC-STP ngày 26/02/2015 của Sở Tư pháp; sau khi hội ý Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về việc hỗ trợ lãi suất cho các khách hàng vay vốn tại các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Điều 4: Nguồn kinh phí thực hiện:

“Nguồn để hỗ trợ lãi suất được trích từ ngân sách tỉnh và được cân đối trong kế hoạch thu, chi ngân sách địa phương năm 2015.”

2. Bổ sung vào khoản 1, Điều 5: Đối tượng khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất:

- “- Thu mua, chế biến: Nông sản, thủy sản, muối.
- Đầu tư sản xuất nông cụ.
- Đầu tư xử lý môi trường, thu gom rác thải.”



- Đầu tư xử lý môi trường, thu gom rác thải.”

3. Khoản 4, Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác có sử dụng thường xuyên nhiều lao động (từ 200 lao động trở lên) nộp Bảo hiểm Xã hội thường xuyên từ đầu năm 2013 đến thời điểm vay vốn có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm Xã hội tại địa bàn đóng trụ sở (tỉnh hoặc huyện, thành phố, thị xã).”

4. Bổ sung vào Điều 5: Đối tượng khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất:

“5. Các nhà đầu tư dự án xây dựng chợ theo hình thức xã hội hóa, trong quy hoạch phát triển mạng lưới chợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; chi phí thuê ki ốt và kinh doanh hàng hóa của các thương nhân kinh doanh tại các chợ đầu tư theo mô hình xã hội hóa có hợp đồng thuê ki ốt từ 5 năm trở lên.”

5. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Hỗ trợ lãi suất thời gian tối đa 12 tháng cho các khoản vay mới ngắn hạn, trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam, được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015.

2. Mức hỗ trợ lãi suất: 4%/năm đối với cho vay ngắn hạn, 5%/năm đối với cho vay trung, dài hạn tính trên số tiền vay và thời hạn vay thực tế nằm trong khoảng thời gian được hỗ trợ.”

6. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Khi thu lãi tiền vay của khách hàng, các tổ chức tín dụng thu toàn bộ lãi vay theo hợp đồng tín dụng và lập Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất cho khách hàng tương ứng với số tiền lãi được hỗ trợ. Chậm nhất sau 7 ngày làm việc từ khi được ngân sách cấp nguồn hỗ trợ lãi suất, các tổ chức tín dụng chuyển trả cho khách hàng số tiền lãi được hỗ trợ. Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất được lập từng lần ngay sau khi khách hàng trả lãi, có xác nhận của khách hàng và tổ chức tín dụng, được lập thành 02 bản, 01 bản lưu hồ sơ tín dụng, 01 bản gửi cho khách hàng.

2. Căn cứ báo cáo số tiền hỗ trợ lãi suất của các tổ chức tín dụng và bảng kê tổng hợp định kỳ (tháng, quý hoặc cuối kỳ hỗ trợ) có xác nhận của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, chậm nhất sau 7 ngày làm việc Sở Tài chính chuyển toàn bộ số tiền lãi hỗ trợ cho các tổ chức tín dụng.

3. Chậm nhất sau 01 tháng kể từ khi kết thúc kỳ hỗ trợ lãi suất, các tổ chức tín dụng lập bảng kê tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất của từng tổ chức tín dụng có xác nhận của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định phân bổ tiền hỗ trợ lãi suất và quyết toán số tiền đã hỗ trợ lãi suất với tổ chức tín dụng trong vòng 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ của các tổ chức tín dụng.”

7. Điểm b, khoản 4, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b. Định kỳ (tháng, quý hoặc cuối kỳ) cấp 100% số tiền hỗ trợ lãi suất theo đề nghị của các tổ chức tín dụng (có xác nhận của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh). Tổng hợp số tiền hỗ trợ lãi suất của các tổ chức tín dụng vào cuối kỳ hỗ trợ làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ban hành.

Các khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ phát sinh từ ngày 01/01/2015 đến ngày có hiệu lực của Quyết định được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định này.

Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung một số nội dung Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND hết hiệu lực thi hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT-TH<sub>1</sub>;
- Gửi: VB giấy (18b) và điện tử.

*Sơn*



**Lê Đình Sơn**